

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Bảo hiểm xã hội tỉnh H trình bày:

Bảo hiểm xã hội tỉnh H yêu cầu ông Nguyễn Công T1 phải hoàn trả số tiền hưởng lương hưu không đúng quy định là 260.773.761 đồng. Bởi vì, ông Nguyễn Công T1 (ông T1) hưởng mất sức lao động từ tháng 5/1985 theo Quyết định số 06/QĐ ngày 20/4/1985 của Xí nghiệp đất và phụ gia xi măng Hải Phòng. Sau đó được Sở Thương binh xã hội thành phố H giới thiệu về Sở T4 tiếp tục chi trả chế độ Hưu công nhân viên từ quý 3 năm 1985, theo Giấy giới thiệu trả trợ cấp ngày 29/5/1985 và Giấy giới thiệu di chuyển số 939/GT của Sở T. Căn cứ hồ sơ chi trả từ Sở Thương binh xã hội bàn giao, Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương thực hiện chi trả chế độ bảo hiểm xã hội cho ông T1, chế độ lương hưu hàng tháng từ quý 3 năm 1985.

Đến năm 2014, ông T1 bị công dân (ông Vũ Khắc C1) kiến nghị và tố cáo về việc hưởng chế độ hưu trí không đúng quy định. Căn cứ nội dung đơn kiến nghị và tố cáo của công dân về việc hưởng chế độ hưu trí không đúng quy định của ông T1, Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương đã rà soát và đối chiếu hồ sơ hưởng chế độ hưu trí của ông T1 với tiết 5 của Điều lệ tạm thời về các chế độ bảo hiểm xã hội đối với công nhân viên chức Nhà nước, được Hội đồng chính phủ ban hành kèm theo Nghị định 218/CP ngày 27/12/1961. Theo hồ sơ ông T1 không đủ điều kiện về tuổi đời và số năm công tác để được hưởng chế độ hưu trí theo quy định. Tại thời điểm nghỉ hưởng chế độ ông T1 mới có 42 năm 03 tháng tuổi đời và 21 năm 01 tháng đóng bảo hiểm xã hội, không đủ điều kiện 60 tuổi và 30 năm công tác theo Nghị định 218/CP. Ông T1 chỉ đủ điều kiện hưởng chế độ mất sức lao động.

Ngày 04/7/2017, Bảo hiểm xã hội tỉnh H ban hành Quyết định số 01/QĐ-BHXH về việc chấm dứt hưởng chế độ Hưu trí đối với ông T1, kể từ 01/06/2017, mức lương hưu hàng tháng đã hưởng 2.920.700đ, lý do chấm dứt: do khai sai thời gian công tác tháng 4/1964 đến tháng 2/1967.

Ngày 05/7/2017, Bảo hiểm xã hội tỉnh H ban hành Quyết định số 07/QĐ-BHXH về việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định 613/QĐ-TTg; theo đó ông T1 được hưởng trợ cấp hàng tháng kể từ ngày 01/6/2017, mức trợ cấp 790.412đ.

Do Quyết định số 07/QĐ-BHXH ban hành không đúng thể thức quy định nên ngày 10/7/2017, Bảo hiểm xã hội tỉnh H ban hành Quyết định số 09/QĐ-BHXH về việc thay thế Quyết định số 07/QĐ-BHXH.

Ngày 28/06/2017, Bảo hiểm xã hội tỉnh H có nhận được đơn đề nghị của ông T1 về việc gia đình khó khăn không có khả năng hoàn trả được số tiền đã hưởng sai theo kết luận số 752/KL-BHXH ngày 23/06/2017, nên đề nghị cơ quan Bảo hiểm xã hội không thực hiện thu hồi số tiền đã hưởng sai. Do vậy, cơ quan BHXH chưa ban hành quyết định thu hồi số tiền đã hưởng sai của ông T1.

Ngày 23/3/2022, Bảo hiểm xã hội tỉnh H tiếp tục nhận được đơn kiến nghị của công dân.

Ngày 24/3/2022, Bảo hiểm xã hội tỉnh H ban hành các quyết định: Quyết định số 312/QĐ-BHXH về việc thu hồi tiền lương hưu đã hưởng không đúng quy định của ông T1, số tiền thu hồi là 317.516.100 đồng và Quyết định số 315/QĐ-BHXH về việc điều chỉnh lại thời gian hưởng trợ cấp theo Quyết định số 613/QĐ-TTg, xác định mức trợ cấp hàng tháng là 446.267 đồng, ông T1 được truy lĩnh tiền từ tháng 05/2010 đến 03/2022 là 143 tháng, tổng số tiền 56.742.339 đồng, quyết định này thay thế cho Quyết định số 09/QĐ-BHXH ngày 10/07/2017.

Đến ngày 15/4/2022, Bảo hiểm xã hội tỉnh H nhận được đơn xin phục hồi chế độ Hưu trí của ông T1, căn cứ nội dung đơn và hồ sơ gửi kèm, Bảo hiểm xã hội tỉnh H đã tiến hành làm việc với ông T1, người đại diện theo uỷ quyền của ông T1, xác minh tài liệu do ông T1 cung cấp nhưng không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông T1. Do đó, ngày 06/5/2022 Bảo hiểm xã hội tỉnh H đã ban hành Thông báo số 718/BHXH-TTKT thông báo về việc giải quyết đơn của ông T1, theo đó không chấp nhận đơn của ông T1 về việc xin phục hồi chế độ hưu trí.

Sau khi ban hành các Quyết định cũng như Thông báo, Bảo hiểm xã hội tỉnh H không nhận được bất kỳ khiếu nại nào của ông T1. Ngày 02/6/2022, Bảo hiểm xã hội tỉnh H tiếp tục mời ông T1 lên làm việc để giải thích cho ông T1 về việc không có cơ sở phục hồi chế độ hưu trí cho ông T1, và đề nghị ông T1 nộp lại số tiền đã hưởng không đúng quy định. Tuy nhiên, ông T1 không chấp hành. Do đó, Bảo hiểm xã hội tỉnh H đề nghị Toà án buộc ông T1 phải hoàn trả số tiền hưởng lương hưu không đúng quy định là 260.773.761 đồng. Cụ thể: Bảo hiểm xã hội tỉnh đã chi trả tiền lương hưu cho ông T1 từ tháng 5/1985 đến tháng 5/2017 là 317.516.100 đồng. Tuy nhiên, ông T1 chỉ được chi trả theo chế độ mất sức lao động là 56.742.339 đồng. Do vậy đối trừ ông T1 phải hoàn trả số tiền chênh lệch đã hưởng là 260.773.761 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm sáu mươi một đồng).

Bị đơn, người đại diện cho bị đơn trình bày:

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Bảo hiểm xã hội tỉnh H vì ông T1 được Nhà nước cho hưởng chế độ hưu trí và chính Cơ quan bảo hiểm là đơn vị chi trả, ông không tự làm ra các quyết định đó để hưởng. Ông không khai man thời gian công tác để được hưởng chế độ bảo hiểm mà do người viết vào quyết định ghi nhầm. Quá trình công tác của bị đơn như sau: Từ tháng 4/1964 - 2/1967 làm việc tại Xí nghiệp công nông huyện N. Trong thời gian ông công tác tại đây khoảng tháng 5/1966 thì Xí nghiệp cử ông đi học nghề thợ hàn tại Nhà máy cơ khí tỉnh H. Thời gian đó Xí nghiệp còn cử đi học cùng với ông có ông Nguyễn Trọng T2, học thợ nguội; ông H1 (hiện đã mất) học thợ tiện. Đến tháng 1/1966 thì học xong, ông lại về công tác tại Xí nghiệp công nông huyện N. Đến tháng 3/1967 ông đi bộ đội. Năm 1976 ông chuyển ngành về Sở xây dựng thành phố Hải Phòng và được điều về Xí nghiệp khai thác vận chuyển làm thợ máy. Đến

năm 1980 ông được điều về công tác tại Xí nghiệp đất phụ gia xi măng và công tác tại đó đến năm 1985 thì được nghỉ hưu do sức khoẻ yếu, mất khả năng lao động.

Làm cùng thời kỳ với ông tại Xí nghiệp công nông huyện N còn có ông Vương Bá K (ông K đã chết), ông Nguyễn Đức L và ông Nguyễn Hữu L1. Ông K có Quyết định nghỉ hưu; còn ông L và ông L1 đều làm giấy xác nhận đã làm cùng với ông thời kỳ 1964 - 1967.

Đối với Quyết định nghỉ hưu ông được nhận 5 - 6 bản gốc do Xí nghiệp đất phụ gia xi măng Hải Phòng giao để khi về quê nộp cho các cơ quan nhà nước làm chế độ. Hiện ông còn giữ được bản gốc là Quyết định số 07 ngày 20/4/1985, nội dung của quyết định ghi rõ ông được nghỉ hưởng trợ cấp hưu trí từ ngày 01/5/1985.

Ông được nghỉ chế độ là do không còn khả năng lao động, bị viêm tuyến mang tai và đã có kết luận của Hội đồng giám định y khoa thành phố Hải Phòng xác định là ông không đủ khả năng lao động nữa, nên Xí nghiệp mới cho nghỉ việc và hưởng chế độ trợ cấp hưu trí, mức hưởng là 73% chứ không phải thuộc trường hợp hết tuổi lao động được nghỉ hưu như bảo hiểm trình bày.

Ông không đồng ý với Quyết định của Bảo hiểm xã hội tỉnh H về việc chấm dứt hưởng chế độ lương hưu của ông và chuyển sang hưởng chế độ mất sức; không đồng ý việc Bảo hiểm đòi lại ông số tiền 260.773.761 đồng.

Ông có yêu cầu đề nghị hủy các Quyết định số 01/QĐ-BHXH ngày 04/7/2017 về việc chấm dứt hưởng chế độ bảo hiểm; Quyết định số 07/QĐ-BHXH ngày 05/7/2017 về việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 09/QĐ-BHXH ngày 10/7/2017 về việc thay thế Quyết định số 07/QĐ-BHXH ngày 05/7/2017 của Bảo hiểm xã hội tỉnh H; Quyết định số 312/QĐ-BHXH ngày 24/03/2022 về việc thu hồi tiền lương hưu đã hưởng không đúng quy định; Quyết định số 315/QĐ-BHXH ngày 24/3/2022 v/v điều chỉnh lại thời gian hưởng trợ cấp theo Quyết định số 613/QĐ-TTg; Thông báo số 718/BHXH-TTKT ngày 06/5/2022 về việc không chấp nhận đơn của ông T1 về việc xin phục hồi chế độ hưu trí.

Ông đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh H phục hồi chế độ hưu trí cho ông.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 01/2024/LĐ-ST ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã quyết định: Căn cứ vào Điều 32; Điều 34; Điều 37; Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ tiết 5 Nghị định số 218-CP ngày 27/12/1961; Nghị định số 163-CP ngày 04/7/1974; Thông tư số 09-NV ngày 18/10/1974.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Công T1 phải hoàn trả số tiền hưởng lương hưu không đúng quy định là 106.086.648 đồng cho Bảo hiểm xã hội tỉnh H.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Công T1 phải hoàn trả số tiền là 154.687.113 đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn:

- Hủy Quyết định số 312/QĐ-BHXH ngày 24/3/2022 về việc thu hồi tiền lương hưu đã hưởng không đúng quy định của Bảo hiểm xã hội tỉnh H.

- Hủy Quyết định số 315/QĐ-BHXH ngày 24/3/2022 về việc điều chỉnh lại thời gian hưởng trợ cấp theo Quyết định số 613/QĐ-TTg của Bảo hiểm xã hội tỉnh H.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn về:

- Hủy Quyết định số 01/QĐ-BHXH ngày 04/7/2017 về việc chấp dứt hưởng chế độ bảo hiểm của Bảo hiểm xã hội tỉnh H.

- Hủy Quyết định số 07/QĐ-BHXH ngày 05/7/2017 về việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ của Bảo hiểm xã hội tỉnh H.

- Hủy Quyết định số 09/QĐ-BHXH ngày 10/7/2017 về việc thay thế Quyết định số 07/QĐ-BHXH ngày 05/7/2017 của Bảo hiểm xã hội tỉnh H.

- Hủy Thông báo số 718/BHXH-TTKT ngày 06/5/2022 về việc không chấp nhận đơn của ông T1 về việc xin phục hồi chế độ hưu trí của Bảo hiểm xã hội tỉnh H..

5. Không chấp nhận yêu cầu bổ sung của ông T1: Đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh H phục hồi chế độ hưu trí cho ông.

Ngoài ra bản án còn tuyên lãi suất chậm thi hành án, tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật; sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/02/2024 bị đơn là ông Nguyễn Công T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người đại diện bị đơn trình bày: Cơ bản giữ nguyên như đã trình bày tại cấp sơ thẩm; căn cứ vào các quyết định của Sở Lao động thương binh xã hội thành phố H, căn cứ kết luận giám định y khoa; theo thông tư số 163 và Nghị định số 218 thì ông T1 đủ điều kiện để được hưởng chế độ hưu trí; vì ông T1 là người có thời gian lao động nặng nhọc, độc hại, đủ điều kiện áp dụng Điều 42 tiết 5 Nghị định 218 để hưởng chế độ hưu trí. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Cấp sơ thẩm đã xác định đúng, đủ người tham gia tố tụng; quá trình giải quyết và tại phiên tòa phúc thẩm người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ thấy rằng, cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định pháp luật, bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ quyền và nghĩa vụ của các đương sự, có căn cứ pháp luật, nên kháng cáo của bị đơn không có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

** Về tố tụng:*

[1] Về xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp: Nguyên đơn là Bảo hiểm xã hội tỉnh H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Công T1 phải hoàn trả lại số tiền hưởng lương hưu không đúng quy định; đây là tranh chấp về bảo hiểm xã hội (tiền lương hưu) được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Bộ luật Tố tụng dân sự và là tranh chấp không bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải ở cơ sở; quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Công T1 có yêu cầu phản tố là đề nghị Tòa án xem xét để hủy các quyết định của Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương, là các quyết định liên quan đến hưởng chế độ, chính sách về hưu, mất sức của ông Nguyễn Công T1; đây là các quyết định hành chính cá biệt có liên quan trong vụ án, cơ quan ban hành quyết định hành chính là Bảo hiểm xã hội tỉnh H, nên thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Do đó, mặc dù Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương đã thụ lý nhưng sau đó đã chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương và Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã thụ lý để giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Cấp sơ thẩm đã xác định nguyên đơn, bị đơn trong vụ án đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm có đương sự vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt, hoặc đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại Điều 227; Điều 228; Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về nội dung:* Xét kháng cáo của ông Nguyễn Công T1, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[3] Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, ông Nguyễn Công T1 nghỉ hưởng chế độ hưu được thể hiện bằng Quyết định số 06/QĐ và Quyết định số 07/QĐ, cùng ngày 20/4/1985; mặc dù hai quyết định này khác số ban hành nhưng về cơ bản nội dung giống nhau, như tuổi đời, năm công tác, hệ số lương.... Theo đó, ông Nguyễn Công T1 có thời gian công tác là 21 năm 01 tháng (trong đó có 10 năm trong quân đội). Tuy nhiên, hiện tại giữa Bảo hiểm xã hội với ông Nguyễn Công T1 chưa thống nhất với nhau về thời gian công tác từ tháng 4/1964 đến tháng 2/1967. Theo các quyết định nêu trên thì thời gian này ông Nguyễn

Công T1 công tác tại Nhà máy cơ khí tỉnh Hải Hưng, Bảo hiểm xã hội không chấp nhận thời gian công tác này của ông T1. Theo ông Nguyễn Công T1 thì trong thời gian từ tháng 4/1964 đến tháng 2/1967 ông không công tác tại Nhà máy C2, mà ông công tác tại Xí nghiệp Công nông huyện N đồng thời cung cấp một số người làm chứng, cũng như hồ sơ của một số người từng công tác với ông T1 trong thời gian này tại Xí nghiệp Công nông huyện N. Cụ thể: Theo hồ sơ hưu của ông Vương Bá K lưu tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương thể hiện ông K có thời gian công tác từ tháng 3/1964 đến tháng 4/1965 tại Xí nghiệp C. Như vậy, có căn cứ xác định vào thời gian từ năm 1964 đến năm 1967 có tồn tại Xí nghiệp C; đến năm 1979 do sáp nhập địa giới hành chính huyện N và huyện T, nên mới có tên gọi là Xí nghiệp cơ khí huyện N. Căn cứ lời khai của các ông: Nguyễn Trọng T3, Nguyễn Hữu L2, Nguyễn Đức L là những người đã từng có thời gian công tác tại Xí nghiệp C thì từ năm 1964 đến năm 1967, ông Nguyễn Công T1 cùng làm việc với họ tại Xí nghiệp này, sau đó ông T1 được cử đi học tại Nhà máy cơ khí tỉnh C2. Tại các quyết định hưởng chế độ hưu của ông T1 đều thể hiện ông tham gia cách mạng từ tháng 4/1964, nhưng thể hiện thời gian này ông T1 công tác tại Nhà máy cơ khí H có thể là do nhầm lẫn khi ban hành quyết định. Vì ông Nguyễn Công T1 có thời gian học tập tại đây. Từ đó có căn cứ khẳng định ông Nguyễn Công T1 có thời gian công tác tại Xí nghiệp công nông huyện N từ tháng 4/1964 đến tháng 2/1967. Do vậy, thời gian công tác của ông Nguyễn Công T1 phải được tính từ tháng 4/1964 và đến ngày 20/4/1985 là 21 năm 01 tháng (trong đó có 10 năm trong quân đội được quy đổi thành 15 năm) như Tòa án cấp sơ thẩm xác định là có căn cứ. Theo đó, thời gian công tác của ông Nguyễn Công T1 là 26 năm 01 tháng. Tuy nhiên, theo hồ sơ thì ông Nguyễn Công T1 sinh tháng 3/1994, đến thời điểm có quyết định nghỉ hưu (ngày 01/5/1985) thì ông Nguyễn Công T1 mới có 42 tuổi 03 tháng. Như vậy, căn cứ Điều 45, tiết 5 Nghị định số 218-CP, ngày 27/12/1961 của Chính phủ; Thông tư số 84-TTg, ngày 20/8/1963 về việc áp dụng chế độ trợ cấp hưu trí và chế độ trợ cấp thôi việc vì mất sức lao động đối với công nhân viên Nhà nước; Quyết định số 21-HĐBT ngày 08/8/1981 thì mặc dù ông Nguyễn Công T1 có thời gian công tác được quy đổi thành 26 năm 01 tháng, nhưng tại thời điểm ông nghỉ chế độ chưa đủ điều kiện về tuổi đời (là 55 tuổi theo quy định tại Nghị định 218, hoặc 50 tuổi theo quy định tại Quyết định số 21). Tuy ông Nguyễn Công T1 có kết luận giám định mất sức lao động, nhưng ông không thuộc đối tượng “Công nhân viên chức đã hoạt động trước cách mạng tháng 8/1945, hoặc đã công tác trong thời kỳ kháng chiến chống pháp và được tặng thưởng huân chương hay huy chương...”. Do đó, ông Nguyễn Công T1 không đủ các điều kiện được hưởng lương hưu theo quy định, nhưng các quyết định của Xí nghiệp đất phụ gia xi măng Hải Phòng vẫn xác định ông Nguyễn Công T1 được hưởng lương hưu là trái quy định, ông T1 chỉ đủ điều kiện để được hưởng chế độ bảo hiểm mất sức lao động theo quy định tại tiết 4 Nghị định số 218-CP ngày 27/12/1961. Ông Nguyễn Công T1 có thời gian công tác là 26 năm 01 tháng, nên theo Điều 2 Quyết định 60-HĐBT, ngày 01/3/1990 thì ông T1 được hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng sau khi đã hết hạn trợ cấp theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 60; nhưng Bảo hiểm xã hội tỉnh H lại tính cho

ông T1 được hưởng $\frac{1}{2}$ thời gian công tác quy đổi là 11 năm là thiếu căn cứ. Căn cứ Điều 35, tiết 4 Nghị định số 218 thì ông Nguyễn Công T1 sẽ được trợ cấp mất sức lao động theo thời gian công tác thực tế là 21 năm 01 tháng. Từ tháng 5/1985 đến tháng 8/1985 (04 tháng) mỗi tháng bằng 61% lương chính với tổng số tiền là 394.956đ. Tuy nhiên, ngày 18/9/1985 Hội đồng bộ trưởng ban hành Nghị định số 236-HĐBT thì thời gian công tác của ông T1 được tính theo thời gian quy đổi là 26 năm 01 tháng. Theo quy định tại Điều 14, Điều 17 Nghị định 236 thì người ông Nguyễn Công T1 được hưởng trợ cấp mất sức lao động bằng 51% lương chính; từ tháng 9/1985 đến tháng 5/2017 (381 tháng), nên ông T1 được hưởng số tiền trợ cấp mất sức lao động là 211.034.496đ; tổng số tiền ông T1 được hưởng từ tháng 5/1985 đến tháng 5/2017 là 211.419.452đ. Ông Nguyễn Công T1 đã được nhận tiền lương hưu từ tháng 5/1985 đến tháng 5/2017 với số tiền là 317.516.100đ, nên ông T1 phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Bảo hiểm xã hội tỉnh H là 106.086.648đ như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định là có căn cứ.

[4] Về yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Công T1 về hủy các quyết định hành chính, thấy:

[4.1] Đối với các Quyết định số 01/QĐ-BHXH ngày 04/7/2017 về việc chấm dứt hưởng chế độ bảo hiểm:

Xét về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định được thực hiện đúng quy định của Luật Bảo hiểm xã hội; Nghị định số 01/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 và Quyết định số 1414/QĐ-BHXH ngày 04/10/2016.

Về nội dung: Ông Nguyễn Công T1 đã hưởng chế độ hưu trí từ tháng 5/1985 đến khi có quyết định chấm dứt hưởng chế độ bảo hiểm là ngày 01/6/2017 với nhiều thời điểm có mức lương khác nhau, nhưng tại Điều 1 của quyết định lại xác định mức lương hưu hàng tháng đã hưởng: 2.920.700đ là chưa chính xác. Vì về lý do chấm dứt ghi trong quyết định là: Do khai sai thời gian công tác từ tháng 4/1964 đến tháng 02/1967. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên thì thời gian công tác của ông Nguyễn Công T1 đủ để tính được hưởng chế độ lương hưu, nhưng tuổi đời ông T1 không đủ để được nghỉ hưởng chế độ hưu trí (vì lúc nghỉ chế độ ông T1 mới có 42 tuổi 03 tháng), nên việc chấm dứt hưởng chế độ hưởng lương hưu đối với ông Nguyễn Công T1 của Bảo hiểm xã hội tỉnh là đúng quy định, nhưng Bảo hiểm xã hội cần điều chỉnh lại lý do chấm dứt và mức lương hưu hàng tháng ông T1 đã hưởng cho phù hợp với thời gian công tác và lương hưu đã hưởng của ông T1, nên không cần thiết phải hủy quyết định này.

[4.2] Đối với Quyết định số 312/QĐ-BHXH ngày 24/03/2022 của Bảo hiểm xã hội tỉnh H về việc thu hồi tiền lương hưu đã hưởng không đúng quy định và Quyết định số 315/QĐ-BHXH ngày 24/3/2022 v/v điều chỉnh lại thời gian hưởng trợ cấp theo Quyết định số 613/QĐ-TTg, thấy: Như trên đã phân tích ở trên thì ông Nguyễn Công T1 có thời gian công tác liên tục là 26 năm 01 tháng nên thời gian tính hưởng chế độ mất sức lao động của ông T1 phải tính theo năm công tác. Trong khi đó Quyết định 312 và Quyết định 315 chỉ tính chế độ mất sức lao động cho ông T1 theo 22 năm 1 tháng căn cứ vào quy định tại Điều 1 Quyết định của

Hội đồng Bộ trưởng số 60-HĐBT ngày 01/3/1990 về việc sửa đổi chế độ trợ cấp đối với công nhân viên chức nghỉ việc vì mất sức lao động, và Quyết định 613/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 về việc trợ cấp hàng tháng cho những người có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế, đã hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động là không đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu này của ông T1, hủy các Quyết định 312, Quyết định 315 nói trên để Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương ban hành các quyết định tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

[4.3] Đối với Quyết định số 07/QĐ-BHXH ngày 05/7/2017 của B hiểm xã hội tỉnh Hải Dương về việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 09/QĐ-BHXH ngày 10/7/2017 về việc thay thế Quyết định số 07/ QĐ-BHXH ngày 05/7/2017 của Bảo hiểm xã hội tỉnh H: Cả hai quyết định này đều đã xác định thời gian công tác của ông T1 không đúng; mặc dù nội dung của hai quyết định này không còn hiệu lực pháp luật do Bảo hiểm xã hội tỉnh H đã ban hành Quyết định số 315/QĐ-BHXH ngày 24/3/2022 v/v điều chỉnh lại thời gian hưởng trợ cấp theo Quyết định số 613/QĐ-TTg để thay thế hai quyết định này, nhưng như đã phân tích ở trên thì Quyết định 315/QĐ-BHXH không đúng và phải hủy bỏ, nên cần xem xét để hủy bỏ cả Quyết định 07/QĐ-BHXH ngày 05/7/2017 và Quyết định số 09/QĐ-BHXH ngày 10/7/2017 của Bảo hiểm xã hội tỉnh H; đồng thời buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh H phải thực hiện nhiệm vụ công vụ là ban hành lại quyết định cho đúng quy định của pháp luật; Tòa án cấp sơ thẩm tuy xác định Quyết định số 312/QĐ-BHXH ngày 24/3/2022 và Quyết định số 315/QĐ-BHXH, ngày 24/3/2022 không đúng phải hủy bỏ, nhưng không buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh H phải thực hiện nhiệm vụ công vụ theo đúng quy định của pháp luật là thiếu sót, nên có căn cứ sửa bản án sơ thẩm.

[4.4] Về Thông báo số 718/BHXH-TTKT ngày 06/5/2022 về việc không chấp nhận đơn của ông T1 về việc xin phục hồi chế độ hưu trí: Về bản chất của thông báo này này thông báo không chấp nhận việc xin phục hồi chế độ hưu trí của ông Nguyễn Công T1; như đã phân tích ở trên do ông T1 không đủ điều kiện để được hưởng trợ cấp hưu trí do chưa đủ tuổi đời theo quy định, nên phải chấp dứt việc ông T1 được hưởng trợ cấp hưu trí; bản án sơ thẩm đã đánh giá tuy Thông báo chưa chuẩn xác, nhưng không làm thay đổi bản chất sự việc, nên không cần thiết phải hủy thông báo này.

[5] Tổng hợp những phân tích trên thấy rằng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, nhưng chưa xem xét đầy đủ, đảm bảo được quyền lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, nên có căn cứ sửa bản án sơ thẩm như nhận định trên. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa phù hợp.

[6] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Các đương sự được chấp nhận một phần yêu cầu nên không phải chịu án phí sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Ông T1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2024/LĐ-ST ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương; cụ thể:

Căn cứ các Điều 32; Điều 34; Điều 37; Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; căn cứ vào Tiết 5 NĐ 218-CP ngày 27/12/1961; Nghị định 163-CP ngày 4/7/1974; Thông tư 09-NV ngày 18/10/1974; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương: Buộc ông Nguyễn Công T1 phải hoàn trả số tiền hưởng lương hưu không đúng quy định là 106.086.648 đồng cho Bảo hiểm xã hội tỉnh H.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của của bị đơn là ông Nguyễn Công T1, hủy các quyết định hành chính, bao gồm:

- Quyết định số 07/QĐ-BHXH ngày 05/7/2017 về việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ của Bảo hiểm xã hội tỉnh H.

- Quyết định số 09/QĐ-BHXH ngày 10/7/2017 về việc thay thế Quyết định số 07/QĐ-BHXH ngày 05/7/2017 của Bảo hiểm xã hội tỉnh H.

- Quyết định số 312/QĐ-BHXH ngày 24/03/2022 về việc thu hồi tiền lương hưu đã hưởng không đúng quy định của Bảo hiểm xã hội tỉnh H.

- Quyết định số 315/QĐ-BHXH ngày 24/3/2022 về việc điều chỉnh lại thời gian hưởng trợ cấp theo Quyết định số 613/QĐ-TTg của Bảo hiểm xã hội tỉnh H.

Buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định của pháp luật.

3. Không chấp nhận các yêu cầu khác của bị đơn là ông Nguyễn Công T1.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải chịu lãi với số tiền phải thi hành, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí sơ thẩm.
- Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Công T1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm